

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH THẠNH  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 03/2019/DS-ST

Ngày: 10/10/2019

V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Thanh Duân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thị Ánh Chung;

Bà Đinh Thị Vang.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Đức Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Kiều Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị G – Sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Khu phố ĐB, thị trấn V, huyện VT, tỉnh Bình Định – Có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. *Đồng bị đơn:* Ông Trần T – Sinh năm: 1946;

Địa chỉ: Khu phố ĐB, thị trấn V, huyện VT, tỉnh Bình Định – Có mặt.

2.2. *Đồng bị đơn:* Bà Trần Thị S – Sinh năm: 1959;

Địa chỉ: Khu phố ĐT, thị trấn V, huyện VT, tỉnh Bình Định – Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị B – Sinh năm: 1955;

Địa chỉ: Khu phố ĐB, thị trấn V, huyện VT, tỉnh Bình Định – Có mặt.

+ Chị Trần Thị L1 – Sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Khu phố ĐB, thị trấn V, huyện VT, tỉnh Bình Định – Ủy quyền toàn bộ cho Nguyên đơn chị G tham gia tố tụng.

+ Chị Trần Thị L2 – Sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Thôn T, xã TG, huyện TS, tỉnh Bình Định - Ủy quyền toàn bộ cho Nguyên đơn chị G tham gia tố tụng.

+ Chị Trần Thị T1 – Sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Thôn ĐQ, xã VQ, huyện VT, tỉnh Bình Định – Ủy quyền toàn bộ cho Nguyên đơn chị G tham gia tố tụng.

+ Chị Trần Thị S1 – Sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Thôn 6, xã ĐC, huyện MĐ, tỉnh QN – Ủy quyền toàn bộ cho Nguyên đơn chị G tham gia tố tụng.

+ Chị Trần Thị D – Sinh năm: 1991;

Địa chỉ: Khu phố ĐB, thị trấn V, huyện VT, tỉnh Bình Định – Ủy quyền toàn bộ cho Nguyên đơn chị G tham gia tố tụng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện ngày 10/05/2019, biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2019 và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị G trình bày:*

Ông bà nội của chị Trần Thị G là cụ Trần Th và cụ Nguyễn Thị Đ có 03 người con là ông Trần T, ông Trần Xuân B1 và bà Trần Thị S (ông B1 chết năm 2013, có vợ là bà Nguyễn Thị B và có 06 người con chung với bà B là: chị Trần Thị L1, chị Trần Thị L2, chị Trần Thị T1, chị Trần Thị S1, chị Trần Thị D và chị Trần Thị G – Các chị: L1, L2, T1, S1, D đều ủy quyền toàn bộ cho chị G tham gia tố tụng vụ án). Cụ Th chết năm 2010, cụ Đ chết năm 2015. Khi còn sống các cụ có khối tài sản gồm: 01 thửa đất số 1322; tờ bản đồ số 04; Diện tích đất 800m<sup>2</sup> (trong đó: 300m<sup>2</sup> đất ở, 500m<sup>2</sup> đất vườn), tại khu phố ĐB, thị trấn V, huyện VT, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 00405 do UBND huyện VT cấp ngày 29/12/2003 cho hộ ông Trần Th và bà Nguyễn Thị Đ; trên đất có căn nhà ba gian cũ (Nhà cấp N8, tường xây gạch vêt vôi, không trần, mái ngói, chiều cao từ 2,5m đến 3m, diện tích: 106 m<sup>2</sup>). Tài sản trên hiện do bà Nguyễn Thị B và chị Trần Thị G quản lý và sử dụng.

Ngoài những người con trên, ông bà nội chị không có con riêng, con nuôi, con ngoài giá thú hay người nào khác thuộc hàng thừa kế thứ nhất.

Ông, bà nội chị G là ông Trần Th và bà Nguyễn Thị Đ chết không để lại di chúc. Khi còn sống ông Th, bà Đ có nguyện vọng sẽ giao nhà và đất nói trên cho cha, mẹ chị G ông Trần Xuân B1 và bà Nguyễn Thị B được quyền sở hữu và sử dụng, nhưng chưa kịp làm thủ tục sang tên thì ông bà nội chị chết. Năm 2013 cha chị G ông Trần Xuân B1 cũng đau bệnh chết. Vì đã nhiều lần chị G và bà B yêu cầu ông T và bà S ký xác nhận để làm thủ tục sang tên tài sản nhà và đất nêu trên cho chị G và bà B được quyền sở hữu, sử dụng nhưng ông T và bà S không đồng ý vì cho rằng cha mẹ chị G toàn là con gái không thể “Nổi

đổi tông đường – thờ cúng ông bà tổ tiên được”. Mặt khác, khi còn sống ông bà nội chị G cũng đã cắt một phần đất thuộc thửa đất số 1322 và xây dựng nhà cho ông T và còn đổi với bà S thì ông bà nội cũng cho tiền mua đất để ở khi theo chồng.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình là yêu cầu Tòa án chia diện tích đất 800m<sup>2</sup> và 01 ngôi nhà gắn liền với thửa đất thành 03 phần bằng nhau; nguyện vọng của chị muốn cùng với mẹ mình là bà Nguyễn Thị B nhận toàn bộ diện tích thửa đất số 1322 và nhà để ở, sẽ thối trả kỷ phần thừa kế cho ông T và bà S mỗi người được nhận bằng 1/3 (một phần ba) giá trị di sản. Chị thống nhất theo giá của Hội đồng định giá đất và nhà có trị giá với tổng số tiền 142.273.200 đồng.

*Trong biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 5 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án đồng bị đơn là ông Trần T trình bày:*

Ông Trần T thống nhất với ý kiến của chị G về việc sẽ chia đất và nhà ở thành 03 phần bằng nhau, bên nào nhận tài sản thì sẽ có nghĩa vụ thối trả cho các bên kia theo giá trị tương ứng mình được nhận. Ông thống nhất theo giá của Hội đồng định giá đất và nhà có trị giá với tổng số tiền 142.273.200 đồng. Yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử theo quy định pháp luật.

*Trong biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 5 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án đồng bị đơn là bà Trần Thị S trình bày:*

Bà Trần Thị S thống nhất với ý kiến của chị G về việc sẽ chia đất và nhà ở thành 03 phần bằng nhau, phần thừa kế của bà được chia bao nhiêu thì bà nhận bằng hiện vật, không nhận bằng tiền. Bà thống nhất theo giá của Hội đồng định giá đất và nhà có trị giá với tổng số tiền 142.273.200 đồng .

*Trong biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 5 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày:*

Tôi hoàn toàn thống nhất theo ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn là con gái tôi Trần Thị G, tôi cũng có ý kiến và yêu cầu như con tôi (G) không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về thụ lý, tiến hành thủ tục tố tụng giải quyết vụ án và mở phiên tòa xét xử vụ án: Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị G: chia di sản thừa kế là nhà và đất của cụ Th và cụ Đ là 03 (ba) kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần tương ứng với số tiền 47.424.400 đồng cho 03 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là ông T, bà S và các con của ông B1 do chị G được ủy quyền nhận. Vì chị G và mẹ của mình là bà B rất cần nhà đất để ở nên giao toàn bộ nhà đất là di sản thừa kế của cụ Th và cụ Đ cho chị G được nhận, chị G có

ngĩa vụ thối trả cho ông T, bà S mỗi người một kỷ phần tương ứng với số tiền 47.424.400 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*\* Về tố tụng:*

[01] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị Trần Thị G với ông Trần T và bà Trần Thị S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[02] Về hàng thừa kế: Cụ Trần Th và cụ Nguyễn Thị Đ sinh được 03 người con là ông Trần T, ông Trần Xuân B1 và bà Trần Thị S. Các cụ chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế của các cụ được chia theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất là ông T, ông B1 và bà S. Ông B1 chết năm 2013 nên theo quy định tại Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì các con ông B1 là Trần Thị L1, Trần Thị L2, Trần Thị T1, Trần Thị S1, Trần Thị D, Trần Thị G và bà Nguyễn Thị B (vợ ông B1) được nhận phần di sản của ông B1 được hưởng từ cha mẹ ông B1.

[03] Về xác định di sản thừa kế: Lời khai của các đương sự đều thống nhất di sản của cụ Th và cụ Đ để lại gồm: Thửa đất số 1322, tờ bản đồ số 04, diện tích 800m<sup>2</sup> (trong đó: 300m<sup>2</sup> đất ở, 500m<sup>2</sup> đất vườn) được UBND huyện VT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi Nhà ba gian cũ (Nhà cấp N8, tường xây gạch vêt vôi, không trần, mái ngói, chiều cao từ 2,5m đến 3m, diện tích: 106 m<sup>2</sup>) cho hộ ông Trần Th và bà Nguyễn Thị Đ vào ngày 29 tháng 12 năm 2003 tọa lạc tại khu phố ĐB, thị trấn VT, huyện VT, tỉnh Bình Định.

[04] Về phân chia di sản thừa kế: Từ những nhận định trên; Hội đồng xét xử thấy rằng di sản thừa kế của cụ Th và cụ Đ để lại được chia làm 03 kỷ phần, mỗi kỷ phần có giá trị 47.424.400 đồng. Xét thấy, về thực tế gia đình và nhu cầu về nhà ở, đất ở: khi cha mẹ còn sống thì ông T đã được cha, mẹ cho đất và nhà được tách từ thửa đất 1322; bà S cũng được cha, mẹ cho tiền mua đất ở khi lập gia đình đi ở bên chồng. Hiện tại ông T và bà S đều đã có đất và nhà ở ổn định, không có nhu cầu. Chị G và bà B là những người ở cùng với cụ Th và cụ Đ trong ngôi nhà và thửa đất 1322 khi hai cụ còn sống và đến hiện nay vẫn tiếp tục ở, quản lý, sử dụng. Chị G và bà B không có nhà, đất nào khác nên rất cần có nhu cầu về đất và nhà để ở, nên giao cho chị G và bà B được nhận toàn bộ nhà và đất là di sản thừa kế của cụ Th và cụ Đ và phải thối trả kỷ phần thừa kế cho ông T và bà S giá trị một kỷ phần thừa kế tương ứng với số tiền là 47.424.400 đồng.

[05] Về kết quả thẩm định, định giá tài sản: Các đương sự đều thống nhất về kết quả thẩm định, định giá tài sản nên Hội đồng xét xử làm căn cứ giải quyết vụ án.

[06] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Tòa án đã yêu cầu Nguyên đơn chị G nộp tạm ứng tiền định giá tài sản, tiền xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 2.400.000 đồng. Số tiền này chia đều cho những người cùng hàng thừa kế được nhận tài sản phải chịu.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 652 và khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 14, Điều 15, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị G đối với ông Trần T và bà Trần Thị S về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Trần Th và cụ Nguyễn Thị Đ.

2. Tuyên xử:

Giao cho chị Trần Thị G và bà Nguyễn Thị B được nhận toàn bộ quyền sở hữu 01 ngôi Nhà ba gian cũ (Nhà cấp N8, tường xây gạch vêt vôi, không trần, mái ngói, chiều cao từ 2,5m đến 3m, diện tích: 106 m<sup>2</sup>) và quyền sử dụng đất thửa số 1322, tờ bản đồ số 04, diện tích 800m<sup>2</sup> (trong đó: 300m<sup>2</sup> đất ở, 500m<sup>2</sup> đất vườn) tại địa chỉ: khu phố ĐB, thị trấn V, huyện VT, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 00405, do UBND huyện VT cấp ngày 29 tháng 12 năm 2003.

Buộc chị Trần Thị G và bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ thối trả kỷ phần thừa kế cho ông Trần T và bà Trần Thị S mỗi người được nhận với số tiền 47.424.400đ (Bốn mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm đồng).

*Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành không thực hiện các khoản đã tuyên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.*

Chị Trần Thị G và bà Nguyễn Thị B có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở theo quy định pháp luật.

3. Chi phí định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ: Chị Trần Thị G; ông Trần T; bà Trần Thị S mỗi người phải chịu: 800.000 đồng. Chị G đã nộp tạm ứng xong; ông T, bà S phải hoàn lại cho chị G.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị G cùng bà Nguyễn Thị B; ông Trần T; bà Trần Thị S mỗi người chịu 2.371.220đ (Hai triệu ba trăm bảy mươi một nghìn hai trăm hai mươi đồng) sung công quỹ Nhà nước. Riêng chị G, bà B và ông T thì được miễn nộp vì thuộc diện hộ nghèo năm 2019.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT-TA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Thanh Duân**